

VẠN NIÊN THƯ

Phần I - Nguyên Tác

Việc muôn năm trước lắm người đương
Việc muôn năm sau nhiều kẻ nối
Non sông không thiếu khách tri trương
Vận mệnh phần tay ai giềng mối.

Ngày ngày tháng tháng đi dòi dỗi
Tổn, Ích trong cơ mỗi thế thường
Lao lực trần ai thương lặn lội
Con thoi nhật nguyệt nắng đôi sương.

Bởi chút thiên sinh liệu dưỡng phương
Lòng tấm ruột lúa nhường nông nổi
Từ thuở tương tri những vấn vương
Nguyện đem hương lửa đền công tội.

Khúc hát non Côn làn suối dội
Bài thơ mây trắng gió am trương
Sáu năm cung kiếm tình nửa gối
Kẻ trước người sau đều đoạn trường.

Bởi chút tinh thần của cố hương
Cỏ gai mù mịt đi tìm tởi
Vạch đường Tinh Vệ bể Uông dương
Viếng núi Thu Tinh trời vời vợi.

Con thuyền họ Lã (Lữ) thách chìm nổi
Tấc kiếm thần Rùa dẹp nhiễu nương
Ngồi lại đem thi thánh chấp nối
Đi ra lên ngựa mở hoàng vương.

Tấm lòng để chúc muôn năm trường
Sự nghiệp làm dây các vận hội
Năm trăm năm nữa gió Nam Dương
Chớ bảo ta trong hàng trăm tuổi.

Phần II – Chú Giải

A. Giải Nghĩa Những câu Chữ Khó

Vạn niên thư: Cuốn sách ghi việc muôn năm.

Trì trượng: Gìn giữ, mở mang.

Tổn ích: Hai quẻ trong kinh Dịch. Tổn: Bỏ, hao tổn. Ích: Thêm, có lợi. Ở đây nói sự được, mất là cái cơ vận thường tình ở đời.

Vận mệnh: Số mệnh thuộc định mệnh.

Thế thường: Thường tình ở đời.

Trần ai: Nơi trần thế bụi bặm.

Thiên sinh: Trời sinh ra.

Con thoi nhật nguyệt: Chữ nhật nguyệt ở đây là ngày tháng, ý nói ngày tháng đi nhanh như thoi đưa.

Dưỡng phương: Phương pháp nuôi sống.

Tương tri: Cùng hiểu biết lẫn nhau.

Hương lửa: Theo nghĩa ba sinh hương lửa; nói trách nhiệm của con người ở kiếp hiện tại là nối dõi dĩ vãng và mở mang tương lai.

Non Côn: Núi Côn Sơn, nơi Nguyễn Trãi về ẩn cư.

Mây trắng: Bạch vân, nói về am Bạch Vân nơi ẩn cư của Nguyễn Bình Khiêm (Trạng Trình).

Đoạn trường: Đứt ruột, đau lòng.

Tinh Vệ: Tên con chim trong điển tích “Con gái vua Viêm Đế bị chết đuối, hồn oan hóa thành chim Tinh Vệ tha đá lấp bể trả thù”.

Bể Uông dương: Bể sâu rộng.

Núi Thu Tinh: Theo huyền sử nói: Người ta khi chết, ánh sao bản mệnh tức là tinh anh của người đó thu vào trong núi, nên gọi là Thu Tinh. Có nghi vấn: Núi Thu Tinh đây có phải là núi Tản Viên chăng? Vì người xưa truyền rằng: Anh linh của các anh hùng dân tộc đều tụ họp vào trong đỉnh núi ấy?

Hoàng vương: Ngôi báu của đế vương.

Vận hội: Thời vận, cơ hội. Một khoảng thời gian nào đó gặp sự tốt xấu, may rủi đến với cá nhân hay tập thể. Tác giả có thể đoán trước được vận hội. Thí dụ: "500 năm nữa gọi gió Nam Dương", tác giả tiên liệu lúc đó ở phương Nam sẽ nổi lên phong trào đổi mới tư duy để tu chỉnh lại học thuyết mới hiện giờ.

Nam Dương: Nam Hải.

Sáu năm: Ý nghĩa không ở vào thời gian 6 năm, mà ngụ vào danh từ Lục Niên. Kẻ trước là Nguyễn Trãi, sự nghiệp kiếm cung từ thành Lục Niên kết thúc với tâm tình nửa gối trong khúc hát Non Côn làn suối dội. Người sau là tác giả chủ nhân nhà Lục Niên, tâm tình nửa gối hòa nhập vào với bài thơ mây trắng [Bạch Vân] gió am trường.

B. Đại Ý Tổng Quát

Con người nhân thế, mệnh sống có hạn (100 năm). Ở giữa cái không gian vô tận, thời gian vô cùng. Người nào sinh ra ở vào khoảng thời gian nào và không gian nào tất phải có trách nhiệm đối với thời đại ấy, và nhiệm vụ đối với lịch sử của không gian ấy. Bởi thế những việc của muôn năm trước kia đã có những con người của muôn năm trước đảm đương. Việc muôn năm sau cũng có những con người muôn năm sau gánh vác. Riêng tác giả ở vào trường hợp ngoại lệ. Sinh ra ở hiện tại, không những đương phải lo lắng cho tương lai, tác giả tiết lộ cho ta biết những việc 500 năm nữa ở vùng biển Nam Hải sẽ có phong trào đổi mới tư duy để tu chỉnh lại tư duy hiện nay, lúc đó trở thành cũ. Nếu đúng như thế thì ai dám bảo tác giả là người đứng trong hàng trăm tuổi như thế thường.

C. Ý Nghĩa Chi Tiết

Vấn đề thời thế, sự việc và nhân tài thường thấy: Việc trước có người trước, việc sau có người sau trách nhiệm. Non sông lúc nào cũng có nhân tài đứng ra gìn giữ và mở mang. Vận mệnh quốc gia về phần tay ai người ấy đảm nhiệm làm giềng mối cho từng lớp quần chúng nương theo.

Tuy nhiên, việc tranh thủ thời cơ là vấn đề quan trọng, ngày tháng đi dôi dỗi chẳng chờ đợi ai, nắm được thời cơ thành bại ấy là định đoạt được điều tồn ích trong mối quan hệ thế thường. Xét ra cũng đáng thương cho tấm thân lao碌, lặn độn một nắng hai sương trên bước đường trần ai, ngày tháng như thoi đưa này.

Bởi chút thân phận con người là do trời đất sinh thành nên phải liệu mà lo nuôi nấng cái thiên chức của mình. Do đó mà lòng tấm phải rút ruột nhả tơ cho người mặc, ruột lúa phải mang nặng hạt để trả cho người ăn. Tác giả tự cho mình như tấm như lúa phải hiến thân cho tha nhân được sống ấm no, và muốn đem tinh thần hương lửa ra mà giàng buộc công tội với trách nhiệm của mình.

Ngẫm nghĩ trong khúc hát Non Côn, tâm sự Nguyễn Trãi từ làn suối dội lại cũng như trong những vần thơ "mây trắng" của Nguyễn Bình Khiêm hòa vào trong làn gió thổi bên am trường vắng lặng.

Sáu năm cùng nghĩa "Lục Niên". Kẻ trước, Nguyễn Trãi bằng sự nghiệp kiếm cung để rồi trở về Côn Sơn với nỗi niềm trần trở phổ vào khúc hát Non Côn; và người sau, tác giả ở nhà Lục Niên trai giới tinh thần, nửa gối ngẫm vòng tròn, cũng một niềm suy tư trần trở gửi vào trong áng Bạch Vân bên am vắng. Tóm lại kẻ trước người sau cùng chung một tắc lòng đòi đoạn.

Song, chỉ vì chút tinh thần cố hương cho nên phải lặn lội vào đám cỏ gai mù mịt mà tìm tòi với mục đích vạch đường Tinh Vệ để cứu oan, lấp biển uông dương để trả hận. Viếng núi Thu Tinh tìm ra nguyên nhân của sự sống chết giữa khoảng trời cao đất rộng.

Con thuyền vượt sóng của họ Lã, Lã Gia? Ở trong cơn thử thách, trước nguy cơ chìm nổi, đòi hỏi quyết tâm kiên trì, vững tay thiên tài để lèo lái. Và cần có được tắc kiếm Thần Rùa để dẹp hết nhiễu nhương.

Khi ngồi lại tức là khi tĩnh viên, lấy việc nổi vắn thơ thánh làm việc triển khai văn hóa. Khi ra tức là lúc động viên thì quát ngựa tung hoành mở đường sự nghiệp của các bậc hoàng vương.

Bằng một tấm lòng để làm di chúc cho muôn năm về lâu về dài, và bằng một sự nghiệp làm giếng mỗi vào các vận hội sau này. Rồi 500 năm nữa gió mới sẽ nổi dậy tại vùng bể Nam Hải để tu chính cái hiện tại cho phù hợp với đà tiến hóa của loài người. Lúc đó sẽ thấy rằng ta không phải là người trong hàng trăm tuổi ở thế gian này.

Những tiên liệu này được tiết lộ. Phải chăng tác giả là chủ trương? Chủ trương vượt thời gian, không gian. Nếu không phải do một thiên tài bất tử làm sao mà có được?

D. Bình Luận

Bài thơ có bảy (7) đoạn, trình bày một mạch, nhất khí. Phần lý đã vững chắc, phần tình cũng thiết tha, còn phần huyền nhiệm nữa khiến độc giả phải lưu tâm suy ngẫm nhiều.

Về cách bố cục, trước hết phải kể đến cách gieo vần thơ độc vận nghĩa là chỉ bằng một vần nổi suốt từ đầu đến cuối. Không phải, độc là lẻ loi mà là cái độc của đôi âm + dương phối hợp với nhau mà sinh thành, thí dụ đoạn I, cuối câu đầu là chữ "đương" vần bằng (âm), cuối câu thứ hai chữ "nổi" vần trắc (dương) là hai chữ âm + dương làm đầu vấn đề nổi từ đầu cho đến cuối bài. Nhưng không phải chỉ giản dị như thế, mỗi đoạn có 4 câu tức là hai cặp âm dương, hai cặp âm dương này phải phối hợp với nhau mà nảy nở ra vần, vần bằng ở cuối câu một phải thông qua vần trắc cuối câu hai để vần với chữ cuối câu ba cùng vần với mình. Vần trắc ở cuối câu hai phải thông qua vần bằng cuối câu ba để vần với chữ ở cuối câu bốn. Thế là âm qua dương mà ra, dương qua âm mà tới theo luật "Âm dương tương ma", nói khác là trong dương có âm, trong âm có dương, phát triển một cách hòa hài, rất khít khao quy củ.

Với giọng thơ trầm hùng, bi tráng, tác giả tỏ ra có một tâm hồn vượt thế, khí vững mạnh, biết rộng trông xa và nghĩ sâu. Chí thì quyết nhận lấy trách nhiệm của bậc anh hùng văn võ song toàn mà sửa thế cứu đời, thoát ra khỏi mức sống bình thường của những người chỉ sống 100 năm.

Khí thì nguyện giữ vững một lòng nối tiếp lửa hương giống nòi, quyết lấp bể đời non thỏa hận tình Tinh Vệ.

Hiểu biết thì bàn những việc đến hàng thế kỷ mai sau, tìm tòi sử từ muôn năm trước tổng hợp cả lẽ trời, đất, người làm căn cứ cho hành động đương thời. Ấy thế mà tình sao lại vừa tha thiết, vừa u uất cái sầu thiên cổ, cái đau nhân thế?

Có người đặt vấn đề: Tác giả cố ý dùng ngoa ngữ để ngoa ngôn như thơ khẩu khí của Lê Thánh Tông chăng? - Chắc không. Ngoài cái khả năng văn học và văn chương, bài này chứng tỏ tác giả là bậc tài tình. Cách kết cấu kiến trúc của bài thơ đã tân kỳ như trên đã nói, khí thơ một mạch, lời thơ thanh thoát trôi chảy lúc mạnh như nước lũ xô bờ (đoạn VI), lúc êm như gió thoảng (đoạn IV) qua. Hồn thơ vơi vợi mà mệnh mệnh, ý thơ rạch ròi từng chi tiết, tình thơ sâu sắc thiết tha, ta còn thấy rõ:

- Sự chân thành của tác giả ở mỗi tiếng mỗi câu.
- Sự tận tụy ở tài sức mình dám nhận trách nhiệm, vừa tìm biết của người lý thuyết, vừa cầu làm của người hành động, khi thành tựu về ở tại Côn Sơn, chí khí thì tự coi như Lã Gia, cứu nước an dân của nhà Triệu, ấy là chưa nói đến chí, tình, khí phách đều như nhau ở hầu hết mọi bài thơ khác của tác giả.

Chỉ tiếc một nỗi, một mối buồn! Cái sầu của con người trước đa đoan nhân loại, cái sầu của nhân loại trước vũ trụ bao la cứ dàn trải ra khắp toàn bài. Tuy mối sầu này là tình cảm của đấng nhân biết trời hiểu người, nhưng làm cho bài thơ và chí tình nhuộm sắc bi quan. Muốn làm việc đế vương, thủ lãnh, tuy tự tin mà vẫn ngụ ý miễn cưỡng mà làm, vẫn âu sầu thao thức mong một giải thoát trọn vẹn an vui ở một thế sống nào khác ngoài vòng nhân loại./.